TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DIỄN CHÂU** **TỈNH NGHỆ AN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 10/2020/QĐST-HNGĐ	*Diễn Châu, ngày 14 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 06/2020/TLST - HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Xóm A, xã DB, huyện DC, tỉnh Nghệ An

Bị đơn: Anh Võ Đình Đ, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Xóm A, xã DB, huyện DC, tỉnh Nghệ An

- Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ vào Điều 55, 81,82,83 của Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2020.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 06 tháng 01 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị M và anh Võ Đình Đ

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Võ Đình Đ thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Vợ chồng có một con chung là Võ Quốc H, sinh ngày 10/9/2010. Ly hôn giao con chung cho anh Võ Đình Đ nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục. Chị Nguyễn Thị M cấp dưỡng nuôi con chung cho anh Võ Đình Đ mỗi tháng 3.000.000đ tính từ tháng 01/2020 đến lúc con chung đủ 18 tuổi trưởng thành.

Chị Nguyễn Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị M và anh Võ Đình Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và nợ chung của vợ chồng.

- Về án phí: Chị Nguyễn Thị M thỏa thuận chịu cả 150.000đ tiền án hôn nhân gia đình sơ thẩm và 150.000đ án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị M nộp tại chi cục thi hành án dân sự huyện Diễn Châu theo biên lai thu số AA/2018/0004893 ngày 31/12/2019

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- VKSDC
- THADC
- TANDT
- Các đương sự
- Lưu HS,VP
- UBND xã DB.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Trần Thế Kỷ